

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
PHÂN MÔN LỊCH SỬ											
1	XÃ HỘI CỔ ĐẠI	1. Ai Cập và Lưỡng Hà. 2. Ấn Độ 3. Trung Quốc 4. Hy Lạp và La Mã	4TN TN			1TL		1TL		1TL	10 tiết 45% 4.5 điểm
2	ĐÔNG NAM Á TỪ NHŨN G THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUY ÊN ĐẾN THẾ KỈ X	1.Khái lược về khu vực Đông Nam Á 2. Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á 3. Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	2TN 2TN								2 tiết 5% 0.5 điểm
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%		50%

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ											
1	TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI (6TIẾT)	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả địa lí	2TN								6 tiết 5,0% 0,5 điểm
2	CÁU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT (5 TIẾT)	1. Cấu tạo của Trái đất. Các mảng kiến tạo. Núi lửa và động đất	4TN							1TL	5 tiết 25,0% 2,5 điểm
		2. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản					1TL				
3	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (4 TIẾT)	1. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	2TN								4 tiết 20,0% 2,0 điểm
		2. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu				1TL					
Tỉ lệ			20%	15%		10%		5%		50%	
Tổng hợp chung			40%	30%		20%		10%		100%	

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

[illegible]

			thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.				
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20	15	10	5
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ							
1	TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI (6TIẾT)	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết: Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.	2TN			
2	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	1. Cấu tạo của Trái đất. Các mảng kiến tạo. Núi lửa và động đất	Nhận biết: Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. Vận dụng cao: Tìm kiếm được thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.	4TN			1TL
		2. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản	Vận dụng Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.			1TL	
3	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (4 TIẾT)	1. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	Nhận biết Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu	2TN			

		2. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu	Thông hiểu Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió.		1 TL		
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20	15	10	5
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

III. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,00 điểm).

Chọn ý trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau:

Câu 1. Vị vua đã thống nhất các công xã, lập nên nhà nước Ai Cập cổ đại

- A. Mê-nét. B. Ha-mu-ra-bi. C. Pê-ri-clét. D. Ốc-ta-vi-út.

Câu 2. Người đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại được gọi là

- A. En-xi. B. Thiên tử. C. Pha-ra-ông. D. Hoàng đế

Câu 3. Văn hóa Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở

- A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. các nước Ả Rập. D. các nước Đông Nam Á.

Câu 4. Chữ viết riêng của người Ấn Độ cổ đại là

- A. chữ tượng hình. B. chữ hình nêm. C. chữ Phạn. D. chữ Hin-đu.

Câu 5. Thời cổ đại, cư dân Trung Quốc tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông lớn là

- A. Nin. B. Ti-gơ và Ơ-phrát. C. Hằng và Ấn. D. Trường Giang và Hoàng Hà.

Câu 6. Đại diện của phái Nho gia ở Trung Quốc là

- A. Khổng Tử. B. Hàn Phi tử. C. Mặc Tử. D. Lão Tử.

Câu 7. Khu vực Đông Nam Á nằm ở phía

- A. đông nam của châu Á. B. tây nam của châu Á.

- C. đông bắc của châu Á. D. đông của châu Á.

Câu 8. Đâu **không phải** là tên quốc gia cổ đại ra đời trên lãnh thổ Việt nam ngày nay

- A. Văn Lang. B. Âu Lạc. C. Chăm-pa. D. Kê-đa.

Câu 9. Những chuyển động chính của Trái Đất là

- A. tự quay quanh trục và quay xung quanh các hành tinh khác.

- B. tự quay quanh trục và chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời.

- C. chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời và các hành tinh khác.

- D. tự quay quanh trục và chuyển động có hình ê-líp xung quanh Mặt Trời.

Câu 10. Trái Đất thực hiện trọn một vòng quay xung quanh Mặt Trời trong thời gian

- A. 24 giờ. B. 365 ngày. C. 365 ngày 6 giờ. D. 366 ngày.

Câu 11. Vỏ Trái Đất có độ dày

- A. từ 70 - 80km. B. dưới 70km. C. từ 80 - 90km. D. trên 90km.

Câu 12. Trái Đất được cấu tạo bởi các lớp

- A. man-ti, vỏ Trái Đất và nhân trong. B. nhân (lõi), nhân ngoài, vỏ Trái Đất

- C. vỏ Trái Đất, man-ti và lõi. D. vỏ Trái Đất, lõi và man-ti.

Câu 13. Lõi Trái Đất **không có** đặc điểm

- A. là lớp trong cùng của Trái Đất. B. có độ dày lớn nhất.

- C. nhiệt độ cao nhất. D. vật chất ở trạng thái rắn.

Câu 14. Lớp vỏ Trái Đất **không có** đặc điểm

- A. rất dày và chiếm khoảng 1/4 khối lượng của Trái Đất.

- B. vật chất ở trạng thái rắn chắc.

- C. cấu tạo do một số địa mảng nằm kề nhau.

- D. nơi tồn tại các thành phần như không khí, nước, các sinh vật... và cả xã hội loài người.

Câu 15. Từ mặt đất trở lên, khí quyển lần lượt có các tầng

- A. bình lưu, tầng cao của khí quyển, đối lưu.
- B. đối lưu, bình lưu, tầng cao của khí quyển.
- C. bình lưu, đối lưu, tầng cao của khí quyển.
- D. đối lưu, tầng cao của khí quyển, bình lưu.

Câu 16. Tầng đối lưu có độ cao trung bình khoảng

- A. 18km.
- B. 14km.
- C. 20km.
- D. 16km.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,00 điểm)

Câu 17. (1,50 điểm)

Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

Câu 18. (1,00 điểm)

Lập bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc.

Câu 19. (0,50 điểm)

Nêu 4 thành tựu văn hóa của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại.

Câu 20. (0,50 điểm)

Dựa vào sự tìm kiếm thông tin từ bản thân hãy trình bày thảm họa do một trận động đất hoặc núi lửa cụ thể gây ra.

Câu 21. (1,00 điểm)

Phân biệt sự khác nhau giữa dạng địa hình đồng bằng và cao nguyên.

Câu 22 (1,50 điểm)

Trình bày khái quát về đặc điểm của đới khí hậu đới nóng (nhiệt đới) và hai đới khí hậu ôn hòa (ôn đới)

--- HẾT ---

(Đề có 02 trang, giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,00 điểm).

Chọn ý trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau. Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	C	D	A	A	D

Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	C	B	C	B	A	B	D

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,00 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm															
Câu 17	Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?	1.5 điểm															
	Những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn và sông Hằng: + Phía Bắc là những dãy núi cao như bức tường thành + Phía Tây và phía Đông là những đồng bằng trù phú + Ở sông Hằng chịu sự tác động của gió mùa, mưa nhiều... => Lưu vực sông Ấn và sông Hằng hằng năm được bồi đắp phù sa, có sự tác động của gió mùa nên rất thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp →thúc đẩy sự ra đời sớm của các nhà nước cổ đại ở Ấn Độ	0.25 0.25 0.25 0.50 0.25															
Câu 18	Lập bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc.	1điểm															
	<table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr><tr><td><i>Tư tưởng</i></td><td>Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia</td></tr><tr><td><i>Chữ viết</i></td><td>Chữ tượng hình</td></tr><tr><td><i>Văn học</i></td><td><i>Kinh Thi</i> của Khổng Tử và <i>Sở Từ</i> của Khuất Nguyên.</td></tr><tr><td><i>Sử học</i></td><td><i>Sử kí</i> của Tư Mã Thiên, <i>Tam quốc chí</i> của Trần Thọ</td></tr><tr><td><i>Y học</i></td><td>Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)</td></tr><tr><td><i>Khoa học-kỹ thuật</i></td><td>Các phát minh minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, in).</td></tr><tr><td><i>Kiến trúc</i></td><td>Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...)</td></tr></table>	Lĩnh vực	Thành tựu	<i>Tư tưởng</i>	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia	<i>Chữ viết</i>	Chữ tượng hình	<i>Văn học</i>	<i>Kinh Thi</i> của Khổng Tử và <i>Sở Từ</i> của Khuất Nguyên.	<i>Sử học</i>	<i>Sử kí</i> của Tư Mã Thiên, <i>Tam quốc chí</i> của Trần Thọ	<i>Y học</i>	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)	<i>Khoa học-kỹ thuật</i>	Các phát minh minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, in).	<i>Kiến trúc</i>	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...)
Lĩnh vực	Thành tựu																
<i>Tư tưởng</i>	Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia																
<i>Chữ viết</i>	Chữ tượng hình																
<i>Văn học</i>	<i>Kinh Thi</i> của Khổng Tử và <i>Sở Từ</i> của Khuất Nguyên.																
<i>Sử học</i>	<i>Sử kí</i> của Tư Mã Thiên, <i>Tam quốc chí</i> của Trần Thọ																
<i>Y học</i>	Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam)																
<i>Khoa học-kỹ thuật</i>	Các phát minh minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, in).																
<i>Kiến trúc</i>	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...)																
Câu 19	Nêu 4 thành tựu văn hóa của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại.	0.5điểm															
	- Lịch pháp, Chữ viết, Hệ chữ số La Mã, Hệ chữ cái La-tin, định luật, định lý Pi-ta-go, As-si-met	0.50															

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
20 (0,50 điểm)	Dựa vào sự hiểu biết và tìm kiếm của bản thân em hãy nêu những thảm họa do một số trận động đất và núi lửa gây ra.	0,50
	Gợi ý: Nhật Bản, năm 2011 (9,0 độ) Vào 14h46 ngày 11/3/2011, một trong những trận động đất lớn nhất trong lịch sử nhân loại đã xảy ra tại miền Đông Bắc Nhật Bản. Thảm họa này đã xóa sổ nhiều thị trấn, cướp đi sinh mạng của khoảng 20.000 người. Số người bị thương là gần 2.400 và số người bị nhiễm phóng xạ là 190 người. Khoảng 100.300 ngôi nhà bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hại một phần do động đất và sóng thần.	0,50
	<i>(Lưu ý trên đây là hướng dẫn HS có thể tìm các thông tin về các trận động đất, núi lửa khác thay thế)</i>	
21 (1,00 điểm)	Phân biệt sự khác nhau giữa dạng địa hình đồng bằng và cao nguyên	1,00
	- Khác nhau:	
	+ Về độ cao: đồng bằng thường có độ cao dưới 200 m so với mực nước biển	0,25
	+ Cao nguyên cao trung bình từ 500-1000 m so với mực nước biển	0,25
	- Về giá trị kinh tế:	
	+ Đồng bằng trồng cây lương thực, thực phẩm; chăn nuôi gia súc, gia cầm	0,25
	+ Cao nguyên: trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn	0,25
22 (1,50 điểm)	Trình bày khái quát về đặc điểm của đới khí hậu đới nóng (nhiệt đới) và hai đới khí hậu ôn hòa (ôn đới)	1,50
	- Đới nóng (nhiệt đới): giới hạn từ 23 ⁰ 27'B đến 23 ⁰ 27'N; nhiệt độ cao quanh năm; gió thổi thường xuyên là gió Tín phong; lượng mưa trung bình năm từ 1000-2000 mm.	0,75
	- Hai đới ôn hòa (ôn đới): giới hạn từ 23 ⁰ 27'B đến 66 ⁰ 33'B, 23 ⁰ 27'N đến 66 ⁰ 33'N; nhiệt độ trung bình; gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới; lượng mưa trung bình năm từ 500-1000 mm.	0,75

Ninh Đông, ngày 22 tháng 12 năm 2024

TỔ NHÓM TRƯỞNG

NGƯỜI RA ĐỀ

Võ Thị Thùy Trang
Nguyễn Thị Thúy Huệ